

Số: /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh và phân cấp
định giá cụ thể trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
140/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 quy định chi tiết một
số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16/5/2024 quy định về công tác
tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng
hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của
Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm
định giá trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.*

Điều 1. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 4

“2a. Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.”

Điều 2. Bổ sung Điều 4a vào sau Điều 4

“Điều 4a: Phân cấp định giá cụ thể

1. Phân cấp cho Sở Y tế định giá cụ thể áp dụng tại đơn vị trên địa bàn (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc Phòng, Bộ Công an) đối với:

a) Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

b) Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

c) Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.

d) Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể đối với:

Phương án 1:

Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu giá)."

Phương án 2:

a) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu giá)."

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5

1. Bổ sung cụm từ “, cung ứng” sau cụm từ “tổ chức, cá nhân kinh doanh,” và cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP” sau cụm từ “Nghị định số 85/2024/NĐ-CP” của khoản 1 Điều 5.

2. Bổ sung khoản 2a và khoản 2b sau khoản 2 Điều 5 như sau:

“2a. Đối với hàng hoá, dịch vụ Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể: Ủy ban nhân dân cấp xã phân công phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện thẩm định phương án giá. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do phòng, ban chuyên môn trực thuộc được giao thẩm định phương án giá trình.

2b. Đối với hàng hoá, dịch vụ Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Y tế định giá cụ thể: Sở Y tế phân công phòng, đơn vị chuyên môn thuộc Sở thực hiện thẩm định phương án giá. Sở Y tế có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản định giá trên cơ sở hồ sơ do phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc được giao thẩm định phương án giá trình”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6

Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Đối tượng thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm và

đăng tải theo quy định. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Thông báo danh sách kê khai giá thì các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Thông báo danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hàng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Thông báo Danh sách kê khai giá thì không cần tham mưu ban hành Thông báo danh sách kê khai giá mới.

b) Định kỳ vào ngày 01 tháng 01 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá rà soát, đề xuất điều chỉnh Thông báo danh sách kê khai giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh danh sách kê khai giá.

Điều 5. Bổ sung khoản 3 Điều 9

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp

a) Báo cáo tháng

Tần suất thực hiện: Hằng tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 01 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo.

b) Báo cáo quý

Tần suất thực hiện: 03 tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.

c) Báo cáo 6 tháng (Thực hiện tương ứng Báo cáo Quý II và 6 tháng)

Tần suất thực hiện: 06 tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 6 trong năm kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.

d) Báo cáo 9 tháng (Thực hiện tương ứng Báo cáo Quý III và 9 tháng)

Tần suất thực hiện: 09 tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 9 trong năm kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.

đ) Báo cáo năm (Thực hiện tương ứng Báo cáo Quý IV và cả năm)

Tần suất thực hiện: 12 tháng. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 01 của tháng 01 đến ngày cuối cùng của tháng 12 trong năm kỳ báo cáo. Thời hạn gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.

Điều 6. Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 13

Bổ sung điểm e khoản 2 Điều 13

“e) Mức giá của hàng hoá, dịch vụ do Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về

hàng hóa, dịch vụ là cơ quan hiệp thương giá xác định. Việc áp dụng mức giá thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Luật Giá.”

Điều 7. Thay thế một số cụm từ, bãi bỏ một số số thứ tự phần III phụ lục I của Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND

1. Thay thế cụm từ “Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ” bằng cụm từ “Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ”.

Phương án 1.

2. Bãi bỏ số thứ tự 2, 3 mục III.1 phần III; số thứ tự 10 mục III.2 phần III của Phụ lục I.

Phương án 2.

2. Bãi bỏ số thứ tự 2, 3 mục III.1 phần III; số thứ tự 6, 10 mục III.2 phần III của Phụ lục I.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số mục của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 84/2025/QĐ-UBND

Phương án 1.

1. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 6 phần II; số thứ tự 3, 6 mục III.2 phần III như sau:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
II	Định giá tối đa	
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể	
III.2	Định giá cụ thể	
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ theo đề nghị của tổ chức, đơn vị
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường

chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	
--	--

2. Bổ sung số thứ tự 10, 11, 12 mục III.2 phần III; bổ sung phần IV như sau:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
III	Định giá cụ thể	
III.2	Định giá cụ thể	
10	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp số tập trung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp
11	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao
12	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm Công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Công Thương
IV	Định giá khung, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ

Phương án 2.

1. Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 6 phần II; số thứ tự 3, 7, 8, 9 mục III.2 phần III như sau:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
II	Định giá tối đa	
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu	Sở Nông nghiệp và Môi trường

	gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)	
III	Định giá cụ thể	
III.2	Định giá cụ thể	
3	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ theo đề nghị của tổ chức, đơn vị
6	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
8	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng

2. Bổ sung số thứ tự 9, 10, 11 mục III.2 phần III; bổ sung phần IV như sau:

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Phân công cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá
III	Định giá cụ thể	
III.2	Định giá cụ thể	
9	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp số tập trung đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp
10	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn	Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao

	ngân sách nhà nước	
11	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm Công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Công Thương
IV	Định giá khung, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH